

Số: 688/TB-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai thông tin tuyển sinh đại học năm 2025

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Biên bản họp ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên,

Thực hiện Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Công văn số 2835/BGDĐT-GDDH ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng, rà soát, cung cấp và công bố thông tin tuyển sinh,

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên công khai thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2025>, báo cáo Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi kèm theo).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, ĐHTN (để b/c);
- HĐTS Trường;
- Ban thư ký HĐTS;
- Website Trường;
- Lưu VT, ĐTKHCN.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025
(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DTY.
3. Địa chỉ trụ sở: 284 đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://tump.edu.vn>
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02083 854 504; 02083 840 618; 02083 858 713.
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.tump.edu.vn/category/tuyen-sinh-dai-hoc-2025>
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...): <https://tump.edu.vn/category/cong-khai>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Các phương thức tuyển sinh

1.1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

1.1.1. Mã số phương thức xét tuyển: 100

1.1.2. Đối tượng dự tuyển

Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT tại Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT tại thời điểm xét tuyển.

1.1.3. Điều kiện dự tuyển

Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào từ điểm thi tốt nghiệp THPT do Bộ GD&ĐT công bố năm 2025;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (thí sinh khuyết tật có thể liên hệ với Trường để được tư vấn lựa chọn ngành học phù hợp);
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định tại Mục 7 của văn bản này.

1.1.4. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học (ĐH) của Trường¹, các nguyện vọng (NV) được xếp thứ tự từ 1 đến hết (NV1 là NV cao nhất).

- Hình thức ĐKXT: trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT (sau đây gọi tắt là Hệ thống).

1.1.5. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm 3 môn (kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025) thuộc tổ hợp môn xét tuyển (hệ thống sẽ tự chọn tổ hợp cao nhất) cộng với điểm cộng, điểm ưu tiên (nếu có). Đối với môn Tiếng Anh, thí sinh được lựa chọn điểm cao nhất giữa kết quả thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh và điểm quy đổi chứng chỉ IELTS (điểm quy đổi như Mục 2 văn bản này). ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Nguyên tắc xét tuyển: dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm cộng, điểm ưu tiên được thực hiện theo Mục 4 văn bản này.

1.2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

1.2.1. Mã số phương thức xét tuyển: 200

1.2.2. Đối tượng dự tuyển

Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT năm 2025 tại Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT tại thời điểm xét tuyển.

1.2.3. Điều kiện dự tuyển

Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên (đối với ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt và Dược học); kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên (đối với ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định (thí sinh khuyết tật có thể liên hệ với Trường để được tư vấn lựa chọn ngành học phù hợp);

- Có đầy đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định;

- Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định tại Mục 7 của văn bản này.

1.2.4. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh được ĐKXT tất cả các ngành đào tạo trình độ ĐH của Trường², các NV được xếp thứ tự từ 1 đến hết (NV1 là NV cao nhất).

- Hình thức ĐKXT: trên Hệ thống Bộ GD&ĐT.

1.2.5. Nguyên tắc xét tuyển

¹ Chi tiết ngành, chỉ tiêu, phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển tại Mục 3 văn bản này

² Chi tiết ngành, chỉ tiêu, phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển tại Mục 3 văn bản này

- ĐXT là tổng điểm trung bình chung (ĐTBC) học tập 6 học kỳ (bao gồm học kỳ 1 và học kỳ 2 của các năm lớp 10, 11, 12) của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển (hệ thống sẽ chọn tổ hợp cao nhất).

- ĐXT được quy đổi tại Mục 2 của văn bản này cộng với điểm cộng, điểm ưu tiên (nếu có). ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm cộng, điểm ưu tiên được thực hiện theo Mục 4 văn bản này.

Ví dụ: cách tính điểm cho tổ hợp B00 (Toán, Hóa học, Sinh học)

Môn	ĐTB HK1 lớp 10	ĐTB HK2 lớp 10	ĐTB HK1 lớp 11	ĐTB HK2 lớp 11	ĐTB HK1 lớp 12	ĐTB HK2 lớp 12
Toán	7,8	7,9	7,9	8,0	8,1	8,0
Hóa học	7,0	7,3	7,4	7,5	7,6	7,7
Sinh học	8,0	8,3	7,9	8,0	8,3	8,2
$\text{ĐXT} = (7,8 + 7,9 + 7,9 + 8,0 + 8,1 + 8,0)/6 + (7,0 + 7,3 + 7,4 + 7,5 + 7,6 + 7,7)/6 + (8,0 + 8,3 + 7,9 + 8,0 + 8,3 + 8,2)/6 + \text{điểm ưu tiên (nếu có)} + \text{điểm cộng (nếu có)}$						

1.3. Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực (HSA) do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức

1.3.1. Mã số phương thức xét tuyển: 402.

1.3.2. Đối tượng xét tuyển

Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT năm 2025 tại Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT tại thời điểm xét tuyển.

1.3.3. Điều kiện xét tuyển

Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên (đối với ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt và Dược học); kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên (đối với ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng);

- Có kết quả bài thi HSA do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ≥ 90 điểm;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (thí sinh khuyết tật có thể liên hệ với Trường để được tư vấn lựa chọn ngành học phù hợp);

- Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định tại Mục 7 của văn bản này.

1.3.4. Hồ sơ xét tuyển (scan bản gốc)

- Học bạ THPT;
- Kết quả bài thi HSA của Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Các minh chứng để xét điểm cộng, bao gồm: (i) Chứng nhận đạt giải học sinh giỏi từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trở lên (nếu có); (ii) Chứng chỉ IELTS³ từ 5,5 điểm trở lên (nếu có);
- Căn cước công dân.

1.3.5. Đăng ký, nộp hồ sơ xét tuyển

- Thí sinh được ĐKXT tất cả các ngành đào tạo trình độ ĐH của Trường⁴, các NV được xếp thứ tự từ 1 đến hết (NV 1 là NV cao nhất) trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT.
- Đồng thời, thí sinh ĐKXT và nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/7/2025 đến 17 giờ 00 ngày 15/7/2025 tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/dang-ky-xet-tuyen-ptxt-402>.

1.3.6. Nguyên tắc xét tuyển

- ĐXT là điểm bài thi HSA được quy đổi tại Mục 2 của văn bản này cộng với điểm cộng, điểm ưu tiên (nếu có). ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.
- Điểm cộng, điểm ưu tiên được thực hiện theo Mục 4 văn bản này.

1.4. Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của các cơ sở giáo dục

1.4.1. Mã số phương thức xét tuyển: 417

1.4.2. Đối tượng xét tuyển

Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT năm 2025 tại Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT tại thời điểm xét tuyển.

1.4.3. Điều kiện xét tuyển

Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên (đối với ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt và Dược học); kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên (đối với ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng);
- Có kết quả thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức ≥ 300 điểm (là tổng điểm 03 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển trong cùng một kỳ thi);
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

³ Chứng chỉ IELTS do British Council/IDP Education cấp tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2025 không quá 24 tháng

⁴ Chi tiết ngành, chỉ tiêu, phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển tại Mục 3 văn bản này

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành (*thí sinh khuyết tật có thể liên hệ với Trường để được tư vấn lựa chọn ngành học phù hợp*);

- Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định tại Mục 7 của văn bản này.

1.4.4. Hồ sơ xét tuyển (scan bản gốc)

- Học bạ THPT;

- Kết quả thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức;

- Các minh chứng để xét điểm cộng, bao gồm: (i) Chứng nhận đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trở lên (*nếu có*); (ii) Chứng chỉ IELTS⁵ từ 5,5 điểm trở lên (*nếu có*);

- Căn cước công dân.

1.4.5. Đăng ký, nộp hồ sơ xét tuyển

- Thí sinh được ĐKXT tất cả các ngành đào tạo trình độ ĐH của Trường⁶, các NV được xếp thứ tự từ 1 đến hết (*NV 1 là NV cao nhất*) trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT.

- Đồng thời, thí sinh ĐKXT và nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/7/2025 đến 17 giờ 00 ngày 15/7/2025 tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/dang-ky-xet-tuyen-ptxt-417>.

1.4.6. Nguyên tắc xét tuyển

- ĐXT là điểm kết quả thi V-SAT được quy đổi tại Mục 2 văn bản này cộng với điểm cộng, điểm ưu tiên (*nếu có*). ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào điểm ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm cộng, điểm ưu tiên thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 4 văn bản này.

1.5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8 Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 02/4/2025)

1.5.1. Mã số phương thức xét tuyển: 301

1.5.2. Đối tượng xét tuyển thẳng

(i) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được xét tuyển thẳng vào các ngành tuyển sinh của Trường.

(ii) Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 được xét tuyển thẳng trong các trường hợp sau:

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành mà trong tổ hợp môn xét tuyển có môn thí sinh đoạt giải; thời hạn đoạt giải tính đến ngày 30/6/2025 không quá 3 năm.

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức/cử tham gia được xem xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với nội dung của đề tài và thí sinh phải bảo vệ được nội dung nghiên cứu của mình (*bằng Tiếng Anh nếu thí sinh đoạt giải cấp quốc tế hoặc bằng Tiếng Việt nếu là thí sinh đoạt giải cấp quốc gia*) trước Hội đồng Nhà trường. Thời hạn đoạt giải tính đến ngày 30/6/2025 không quá 3 năm.

1.5.3. Nguyên tắc xét tuyển

⁵ Chứng chỉ IELTS do British Council/IDP Education cấp tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2025 không quá 24 tháng

⁶ Chỉ tiết ngành, chỉ tiêu, phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển tại Mục 3 văn bản này

Thí sinh ĐKXT vào nhiều ngành, nhưng phải sắp xếp các NV theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (*NV 1 là NV cao nhất*). Trong trường hợp nhiều NV đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo NV cao nhất.

1.5.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh*: không giới hạn.

1.5.5. *Hồ sơ xét tuyển*

- Phiếu ĐKXT thẳng (*tải mẫu Phiếu tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/forms/mau-phieu-dang-ky-xet-tuyen-dh-2025>*);

- Bản sao có chứng thực các giấy tờ xác nhận thuộc đối tượng dự tuyển (*Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia...*);

- 01 phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh;

- Bản sao căn cước công dân.

- Đối với thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia nộp 01 quyển đề tài, 05 quyển tóm tắt đề tài bằng Tiếng Việt (*nếu là thí sinh đoạt giải cấp quốc gia*), 01 quyển đề tài, 05 quyển tóm tắt đề tài bằng Tiếng Anh (*nếu thí sinh đoạt giải cấp quốc tế*); đồng thời gửi file Powerpoint bằng Tiếng Việt (*nếu thí sinh đoạt giải quốc gia*), file Powerpoint bằng Tiếng Anh (*nếu thí sinh đoạt giải quốc tế*) về địa chỉ: daotaodaihoc@tump.edu.vn trước 17h00, ngày 30/6/2025.

- Hồ sơ xét tuyển gửi đến địa chỉ: Trường ĐH Y - Dược, ĐH Thái Nguyên, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 02083 854 504 hoặc 02083 655 652. (*ngoài bì túi hồ sơ ghi rõ: Hồ sơ xét tuyển tuyển thẳng ĐH năm 2025; Mã số phương thức xét tuyển 301; Họ và tên thí sinh; Ngày tháng năm sinh; Ngành xét tuyển; Liệt kê đầy đủ các tài liệu có trong túi hồ sơ*).

- Thí sinh cần nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định tại Mục 7 của văn bản này.

1.6. Xét tuyển học sinh dự bị đại học

1.6.1. *Mã số phương thức xét tuyển*: 500

1.6.2. *Đối tượng tuyển sinh*

Học sinh các trường Dự bị dân tộc Trung ương Việt Trì, Dự bị Sầm Sơn Thanh Hóa và trường Vùng cao Việt Bắc.

1.6.3. *Điều kiện tuyển sinh*

- Hoàn thành chương trình bồi dưỡng dự bị ĐH;

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào từ điểm thi tốt nghiệp THPT do Bộ GD&ĐT công bố vào năm mà học sinh được xét vào học dự bị ĐH;

- Điểm trung bình từng môn bồi dưỡng dự bị ĐH (*thuộc tổ hợp xét tuyển*) $\geq 7,0$;

- Kết quả rèn luyện cả năm dự bị ĐH đạt từ Khá trở lên;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.6.4. *Hồ sơ, nguyên tắc và thời gian tổ chức xét tuyển*: do ĐHTN thực hiện.

2. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

2.1. Nguyên tắc quy đổi

Sau khi Bộ GD&ĐT công bố phân vị điểm, Nhà trường sẽ áp dụng công thức nội suy tuyến tính để quy đổi điểm trúng tuyển giữa các phương thức như sau:

$$T_{\text{quy đổi}} = Đ_{\text{tương đương dưới}} + \frac{(Đ_{\text{tương đương trên}} - Đ_{\text{tương đương dưới}}) \times (Đ_{\text{thực}} - Đ_{\text{ngưỡng dưới}})}{(Đ_{\text{ngưỡng trên}} - Đ_{\text{ngưỡng dưới}})}$$

Trong đó:

- $T_{\text{quy đổi}}$: Điểm được quy đổi sang thang điểm của phương thức khác.
- $Đ_{\text{thực}}$: Điểm thực tế của thí sinh ở phương thức đang xét.
- $Đ_{\text{ngưỡng dưới}}$ và $Đ_{\text{ngưỡng trên}}$: Các mốc điểm ở các tổ phân vị gần nhất với điểm thực tế của thí sinh.
- $Đ_{\text{tương đương dưới}}$ và $Đ_{\text{tương đương trên}}$: Các mốc điểm tương đương trên thang điểm quy đổi, ứng với $Đ_{\text{ngưỡng dưới}}$ và $Đ_{\text{ngưỡng trên}}$.

2.2. Điểm quy đổi Chứng chỉ IELTS sang thang điểm 10

TT	Nội dung	Điểm quy đổi
1.	Chứng chỉ IELTS (7.5 -9.0 điểm)	10,00
2.	Chứng chỉ IELTS (7.0 điểm)	9,50
3.	Chứng chỉ IELTS (6.5 điểm)	9,00
4.	Chứng chỉ IELTS (6.0 điểm)	8,50
5.	Chứng chỉ IELTS (5.5 điểm)	8,00

3. Ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và tổ hợp xét tuyển

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
1	DTY101	CTĐT Bác sĩ ngành Y khoa	7720101	Y khoa	600	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT402)	Kết quả đánh giá năng lực ĐHQGHN (HSA)
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
2	DTY110	CTĐT Bác sĩ ngành Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	100	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	Kết quả đánh giá năng lực ĐHQGHN (HSA)
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT
3	DTY201	CTĐT Dược sĩ ngành Dược học	7720201	Dược học	200	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	Kết quả đánh giá năng lực ĐHQGHN (HSA)
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT
4	DTY301	CTĐT Cử nhân ngành Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	230	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D00: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D00: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	Kết quả đánh giá năng lực ĐHQGHN (HSA)
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D00: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT
5	DTY302	CTĐT Cử nhân ngành Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	50	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D00: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D00: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	Kết quả đánh giá năng lực ĐHQGHN (HSA)
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D00: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT
6	DTY501	CTĐT Bác sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	90	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	Kết quả đánh giá năng lực ĐHQGHN (HSA)
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT
7	DTY601	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật xét nghiệm	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	60	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	Kết quả đánh giá năng lực ĐHQGHN (HSA)
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT
8	DTY602	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	60	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	Kết quả đánh giá năng lực ĐHQGHN (HSA)
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT
9	DTY603	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	60	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh



T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	Kết quả đánh giá năng lực ĐHQGHN (HSA)
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT

4. Các thông tin cần thiết khác

4.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Đối với các thí sinh có ĐXT bằng nhau ở cuối danh sách thì lấy ĐTBC cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

4.2. Điểm cộng⁷

- Thí sinh có thành tích cao trong học tập theo quy định của Trường cần scan bản gốc để xem xét minh chứng điểm cộng⁸: (i) Chứng nhận đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trở lên (nếu có), (ii) Chứng chỉ IELTS⁹ từ 5,5 điểm trở lên (nếu có), (iii) học bạ THPT (đối với các thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT từ 2024 trở về trước).

- Minh chứng điểm cộng nộp trực tuyến từ ngày 01/7/2025 đến 17 giờ 00 ngày 15/7/2025 tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/nop-thanh-tich-hoc-tap-dai-hoc-chinh-quy>.

- Quy đổi mức điểm cộng:

TT	Nội dung	Mức điểm cộng
1.	Chứng chỉ IELTS với mức điểm từ 8.5 - 9.0	3,00
2.	Chứng chỉ IELTS với mức điểm từ 7.0 - 8.0	2,75
3.	Chứng chỉ IELTS với mức điểm từ 5.5 - 6.5	2,50
5.	Giải Nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	3,00
6.	Giải Nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	2,75
7.	Giải Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	2,50
8.	Giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	2,25
9.	Giải Nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương lớp 12 thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	1,50
10.	Giải Nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương lớp 12 thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	1,25
11.	Giải Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương lớp 12 thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	1,00
12.	Kết quả học tập cả 03 năm THPT được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên)	1,00

⁷ Thí sinh có nhiều thành tích học tập chỉ được tính một mức điểm cộng cao nhất trong các thành tích ở trên.

⁸ Trường hợp thí sinh đạt điểm cộng thành tích học tập nhưng không nộp minh chứng hoặc đăng ký không đầy đủ, thí sinh sẽ không được hưởng điểm cộng thành tích theo quy định này.

⁹ Chứng chỉ IELTS do British Council/IDP Education cấp tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2025 không quá 24 tháng

- Đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 25 trở lên, để đảm bảo tổng điểm không vượt quá 30, điểm cộng được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm cộng} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/5] \times (\text{Mức điểm cộng})$$

4.3. Điểm ưu tiên

- Điểm ưu tiên bao gồm: điểm khu vực, đối tượng (nếu có).
- Đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên, để đảm bảo tổng điểm không vượt quá 30, điểm ưu tiên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times (\text{Mức điểm ưu tiên})$$

5. Tổ chức tuyển sinh

Phương thức xét tuyển	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1. Xét tuyển thẳng theo quy chế Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Nhận hồ sơ xét tuyển	Từ ngày 09/6 đến 17 giờ 00 ngày 30/6/2025	Tổ chức xét bổ sung từ 01/9/2025 đến tháng 12/2025 (nếu thiếu chỉ tiêu)
	Nhà trường tổ chức xét tuyển và công bố thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển	Từ ngày 01/7 đến 17 giờ 00 ngày 15/7/2025	
	Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đăng ký, điều chỉnh, bổ sung NVXT vào Hệ thống (không giới hạn số lần)	Từ ngày 16/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025	
	Nhà trường tải dữ liệu, tổ chức xét tuyển trên Hệ thống	Từ ngày 13/8 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2025	
	Công bố thí sinh trúng tuyển, xác nhận nhập học vào Hệ thống	Trước 17 giờ 00 ngày 30/8/2025	
2. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	Thí sinh nộp hồ sơ (đối với PTXT 402, 417) và minh chứng điểm cộng trực tuyến	Từ ngày 01/7 đến 17 giờ 00 ngày 15/7/2025	
3. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	Thí sinh đăng ký, điều chỉnh, bổ sung NVXT vào Hệ thống (không giới hạn số lần)	Từ ngày 16/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025	
4. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	Nhà trường cập nhật ngưỡng ĐBCL đầu vào của Bộ GD&ĐT vào Hệ thống	Trước 17 giờ 00 ngày 23/7/2025	
5. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	Nhà trường rà soát dữ liệu trên Hệ thống	Từ ngày 06/8 đến 17 giờ 00 ngày 12/8/2025	

Phương thức xét tuyển	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
	Nhà trường tải dữ liệu, tổ chức xét tuyển trên Hệ thống	Từ ngày 13/8 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2025	
	Công bố thí sinh trúng tuyển, xác nhận nhập học vào Hệ thống	Trước 17 giờ 00 ngày 30/8/2025	

6. Chính sách ưu tiên

Chính sách ưu tiên (khu vực, đối tượng) thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (*Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 02/4/2025*). Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT và một năm liền kề.

7. Lệ phí xét tuyển

TT	Phương thức xét tuyển	Số tiền và cách thức nộp tiền ¹⁰
1.	- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	Số tiền và cách thức nộp tiền theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.
2.	- Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200). - Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực (HSA) do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402). - Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do Đại học Thái Nguyên tổ chức để xét tuyển (PTXT 417).	Ngoài lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, thí sinh phải nộp 60.000 VNĐ/hồ sơ
3.	- Xét tuyển thẳng theo quy chế Bộ GD&ĐT	Ngoài lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, thí sinh phải nộp 200.000 VNĐ/hồ sơ

8. Cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

- Công khai đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin về tuyển sinh, bao gồm chỉ tiêu, PTXT, quy tắc quy đổi điểm, lệ phí xét tuyển, các chính sách ưu tiên, học bổng... trên website của Nhà trường và các kênh thông tin chính thức;

- Đảm bảo quy trình tuyển sinh công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, tuân thủ đúng quy định của Bộ GD&ĐT;

- Cam kết giải đáp kịp thời mọi thắc mắc của thí sinh và phụ huynh.

9. Các nội dung khác: không có.

¹⁰ Nộp vào tài khoản của Trường theo hướng dẫn tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/huong-dan-nop-le-phi-xet-tuyen-dai-hoc-chinh-quy>).

10. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm xét
1	DTY101	CTĐT Bác sĩ ngành Y khoa	7720101	Sức khỏe	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	288	162	26,25/30	270	168	26,00/30
2	DTY101	CTĐT Bác sĩ ngành Y khoa	7720101	Sức khỏe	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	120	347	27,30/30	168	378	26,75/30
3	DTY101	CTĐT Bác sĩ ngành Y khoa	7720101	Sức khỏe	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	6	7		6	4	
4	DTY101	CTĐT Bác sĩ ngành Y khoa	7720101	Sức khỏe	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	60	75		70	22	
5	DTY101	CTĐT Bác sĩ ngành Y khoa	7720101	Sức khỏe	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội	60	29	20,05/30	50	38	18,65/30
6	DTY101	CTĐT Bác sĩ ngành Y khoa	7720101	Sức khỏe	Sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học của Đại học Thái Nguyên để xét tuyển	30	20	23,37/30	0	0	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm xét
7	DTY101	CTĐT Bác sĩ ngành Y khoa	7720101	Sức khỏe	PTXT khác (Dự bị và Lưu học sinh)	30	31		36	33	
8	DTY110	CTĐT Bác sĩ ngành Y học dự phòng	7720110	Sức khỏe	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	42	74	21,00/30	50	38	21,25/30
9	DTY110	CTĐT Bác sĩ ngành Y học dự phòng	7720110	Sức khỏe	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	32	21	22,00/30	20	16	22,00/30
10	DTY201	CTĐT Dược sĩ ngành Dược học	7720201	Sức khỏe	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	96	85	24,75/30	111	71	24,70/30
11	DTY201	CTĐT Dược sĩ ngành Dược học	7720201	Sức khỏe	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	40	109	25,80/30	40	121	26,00/30
12	DTY201	CTĐT Dược sĩ ngành Dược học	7720201	Sức khỏe	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội	20	4	18,45/30	15	4	17,65/30
13	DTY201	CTĐT Dược sĩ ngành Dược học	7720201	Sức khỏe	Sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học của Đại học Thái Nguyên để xét tuyển	10	2	20,2/30	0	0	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm xét
14	DTY201	CTĐT Dược sĩ ngành Dược học	7720201	Sức khỏe	PTXT khác (Dự bị và Lưu học sinh)	10	2		60	10	
15	DTY301	CTĐT Cử nhân ngành Điều dưỡng	7720301	Sức khỏe	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	122	138	21,80/30	181	179	20,00/30
16	DTY301	CTĐT Cử nhân ngành Điều dưỡng	7720301	Sức khỏe	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	92	128	23,30/30	48	67	22,00/30
17	DTY302	CTĐT Cử nhân ngành Hộ sinh	7720302	Sức khỏe	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	21	24	19,50/30	26	26	19,00/30
18	DTY302	CTĐT Cử nhân ngành Hộ sinh	7720302	Sức khỏe	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	16	15	20,75/30	5	9	20,85/30
19	DTY501	CTĐT Bác sĩ ngành Răng-Hàm - Mặt	7720501	Sức khỏe	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	38	21	26,35/30	30	17	26,25/30
20	DTY501	CTĐT Bác sĩ ngành Răng-Hàm - Mặt	7720501	Sức khỏe	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	16	49	27,65/30	22	41	27,45/30

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm xét
21	DTY501	CTĐT Bác sĩ ngành Răng-Hàm - Mặt	7720501	Sức khỏe	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	8	5		9	3	
22	DTY501	CTĐT Bác sĩ ngành Răng-Hàm - Mặt	7720501	Sức khỏe	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội	8	2	19,70/30	5	1	19,85/30
23	DTY501	CTĐT Bác sĩ ngành Răng-Hàm - Mặt	7720501	Sức khỏe	Sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học của Đại học Thái Nguyên để xét tuyển	4	2	22,70/30	0	0	
24	DTY501	CTĐT Bác sĩ ngành Răng-Hàm - Mặt	7720501	Sức khỏe	PTXT khác (Dự bị và Lưu học sinh)	4	7		11	12	
25	DTY601	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật Xét nghiệm	7720601	Sức khỏe	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	26	40	24,00/30	36	25	24,25/30
26	DTY601	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật Xét nghiệm	7720601	Sức khỏe	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	24	25,00/30	10	14	25,75/30

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm xét
27	DTY602	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Sức khỏe	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	26	50	20,00/30	Chưa tuyển sinh	Chưa tuyển sinh	Chưa tuyển sinh
28	DTY602	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Sức khỏe	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	22	21,00/30	Chưa tuyển sinh	Chưa tuyển sinh	Chưa tuyển sinh
29	DTY603	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng	7720603	Sức khỏe	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	26	33	20,00/30	Chưa tuyển sinh	Chưa tuyển sinh	Chưa tuyển sinh
30	DTY603	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng	7720603	Sức khỏe	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	27	21,00/30	Chưa tuyển sinh	Chưa tuyển sinh	Chưa tuyển sinh

III. HỌC PHÍ VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

- Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

- Hằng năm, Nhà trường dành khoảng 8% học phí (trên 15 tỷ đồng) để khuyến khích những sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, hoặc những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt./.

- Dự kiến học phí năm học 2025-2026

TT	Ngành đào tạo	Dự kiến thu
1	Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học	5.900.000 VND/tháng
2	Y học dự phòng	4.800.000 VND/tháng
3	Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Hộ sinh (chính quy)	4.300.000 VND/tháng
4	Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học (VLVH)	6.450.000 VND/tháng

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CÁN BỘ KÊ KHAI



Nguyễn Quang Mạnh

Trưởng phòng Đào tạo, Khoa học và Công nghệ

Điện thoại: 0915646678

Email: nguyenquangmanh@tump.edu.vn



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng